

UBND PHƯỜNG MƯỜNG THANH
TRƯỜNG THCS NAM THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 413/THCSNT

Mường Thanh, ngày 04 tháng 11 năm 2025

V/v công khai học sinh thuộc diện chính sách theo
Nghị định 66/2025/NĐ-CP từ tháng 01 đến
tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Các tổ chuyên môn, GVCN, văn phòng – phục vụ

Căn cứ Công văn số 3400/SGDDĐT-KHTC ngày 01/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên v/v hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ biên bản họp “v/v thẩm định, xét duyệt hồ sơ học sinh thuộc diện chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của chính phủ” Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025, năm học 2024 – 2025. (họp ngày 04/11/2025);

Để đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng và chính xác, Trường THCS Nam Thanh đề nghị các Các tổ chuyên môn, GVCN 13 lớp, văn phòng - phục vụ thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

3. Thông báo, niêm yết công khai danh sách học sinh thuộc diện chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025, năm học 2024 - 2025 (Có danh sách đính kèm). Hình thức công khai: Niêm yết công khai danh sách tại bảng tin và qua Website, các nhóm zalo của đơn vị.

4. Ý kiến của các tập thể, cá nhân về danh sách học sinh thuộc diện chính theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025, năm học 2024 - 2025 đề nghị gửi về Hiệu trưởng trong ngày 05/11/2025 để tổng hợp gửi UBND Phường theo quy định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Tổ trưởng các tổ chuyên môn, GVCN 13 lớp, văn phòng - phục vụ khẩn trương triển khai thực hiện nhằm đảm bảo chế độ, chính sách, quyền lợi của học sinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Tịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG THANH

TRƯỜNG THCS NAM THANH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP

Học kỳ II - Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025. Năm học 2024 - 2025

(Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025)

Đơn vị tính: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Tổng cộng	Đối tượng thu hưởng		Số tháng được hưởng	Hỗ trợ tiền ăn /tháng	Hỗ trợ tiền nhà ở/tháng	Thành tiền	Hỗ trợ gạo (15kg/tháng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ với học sinh hưởng chính sách	Ghi chú
				Hộ nghèo	Thôn bản ĐBKK										
	1. Trường THCS Nam Thanh		14	-	14				90.720.000	1.050					
1	Hoàng Nhật Toàn	6A3			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	3620279242	BIDV CN Phong Thổ - Lai Châu	Hoàng Biên Xa	Bố	
2	Đình Thanh Trúc	7A2			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	8907205043183	Agribank CN tỉnh ĐB	Phạm Thị Định	Mẹ	
3	Nguyễn Đức Tú	7A4			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	109880721542	Vietinbank CN ĐB	Vàng Thị Trang	Mẹ	
4	Lường Văn Dương	8A1			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	109874995720	Vietinbank CN ĐB	Nguyễn Thị Linh	Bà	
5	Nguyễn Thị Bảo Yến	8A1			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	107880887563	Vietinbank CN ĐB	Lò Thị Minh	Mẹ	
6	Lường Khánh Linh	8A2			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	102880723807	Vietinbank CN ĐB	Lường Thị Huôn	Mẹ	
7	Quảng Minh Vũ	8A2			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	8900205265480	Agribank CN Mường Thanh	Quảng Văn Thông	Bố	
8	Lường Thị Hằng	8A2			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	6503763319	BIDV CN Điện Biên	Quảng Thị Nam	Mẹ	
9	Lò Anh Minh	8A3			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	3600141657	BIDV CN Điện Biên	Hà Thị Lan Phương	Mẹ	
10	Trần Đình Trọng	9A1			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	3600687504	BIDV CN Điện Biên	Trần Thị Thu Mai	Mẹ	
11	Nguyễn Đức Quân	9A2			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	8906205049687	Agribank CN Mường Nhé	Ngọc Thị Hồng Lan	Mẹ	
12	Nguyễn Phan Anh	9A3			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	105877202669	Vietinbank CN ĐB	Nguyễn Thị Chúc Anh	Chị	
13	Nguyễn Bình Minh	9A3			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	108878951831	Vietinbank CN ĐB	Nguyễn Thị Thu Hà	Mẹ	
14	Hạng Quang Minh	9A3			1	5	936.000	360.000	6.480.000	75	3600202800	BIDV CN Điện Biên	Hạng A Cờ	Bố	